

**NGHỊ QUYẾT**

**Về việc điều chuyển số lượng người làm việc trong các  
đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh Quảng Ngãi năm 2025**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI  
KHÓA XIII KỲ HỌP THỨ 31**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức  
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010;*

*Căn cứ Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2020 của  
Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp  
công lập;*

*Căn cứ Quyết định số 880-QĐ/TU ngày 08 tháng 12 năm 2022 của Ban  
Thường vụ Tỉnh ủy giao chỉ tiêu biên chế giai đoạn 2022 - 2026 cho Ban Cán sự  
đảng Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý; Quyết định số 1690-QĐ/TU ngày 04 tháng  
12 năm 2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy giao chỉ tiêu biên chế năm 2025 cho  
Ban Cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý;*

*Xét Tờ trình số 17/TTr-UBND ngày 04 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban  
nhân dân tỉnh về việc đề nghị ban hành Nghị quyết thông qua việc điều chuyển  
biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính; số lượng người làm  
việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập năm 2025; Báo cáo thẩm tra của Ban  
Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân  
dân tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Điều chuyển số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp  
công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do  
ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi năm  
2025 (chi tiết như Phụ lục kèm theo).

**Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân  
tỉnh, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị  
quyết.

**Điều 3. Hiệu lực thi hành**

1. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi Khoá XIII Kỳ họp thứ 31 thông qua ngày 19 tháng 02 năm 2025 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 3 năm 2025.

2. Các nội dung khác tại Nghị quyết số 80/NQ-HĐND ngày 27 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc phê duyệt số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh Quảng Ngãi năm 2025 không điều chỉnh tại Nghị quyết này vẫn giữ nguyên hiệu lực thi hành./.

**CHỦ TỊCH**  
**(Đã ký)**  
**Bùi Thị Quỳnh Vân**

**PHỤ LỤC**  
**SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC HƯỞNG LƯƠNG TỪ NGÂN SÁCH NHÀ**  
**NƯỚC GIAO CHO CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ, ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025**

(Kèm theo Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 19 tháng 02 năm 2025  
của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

| TT | TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ<br>TRỰC THUỘC                                        | Số lượng người làm việc hưởng lương<br>từ ngân sách nhà nước năm 2025 |                   |                  |            |            | Ghi chú                                                           |
|----|--------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------|-------------------|------------------|------------|------------|-------------------------------------------------------------------|
|    |                                                                          | Tổng số                                                               | SN<br>giáo<br>dục | SN<br>văn<br>hoá | SN<br>y tế | SN<br>khác |                                                                   |
| A  | B                                                                        | 1                                                                     | 2                 | 3                | 4          | 5          | 6                                                                 |
| 1  | Văn phòng UBND tỉnh                                                      | 33                                                                    |                   |                  |            | 33         |                                                                   |
| -  | Trung tâm Công báo và Tin học                                            | 15                                                                    |                   |                  |            | 15         |                                                                   |
| -  | Trung tâm Xúc tiến và Hỗ trợ đầu tư, thương mại, du lịch tỉnh Quảng Ngãi | 18                                                                    |                   |                  |            | 18         | Tiếp nhận 15 biên chế của Sở KHĐT, 03 biên chế của Sở Công Thương |
| 2  | Sở Nội vụ                                                                | 24                                                                    |                   |                  |            | 24         |                                                                   |
| -  | Trung tâm Lưu trữ lịch sử tỉnh                                           | 8                                                                     |                   |                  |            | 8          |                                                                   |
| -  | Trung tâm Điều dưỡng người có công                                       | 15                                                                    |                   |                  |            | 15         |                                                                   |
| -  | Ban vì sự tiến bộ phụ nữ                                                 | 1                                                                     |                   |                  |            | 1          |                                                                   |
| 3  | Sở Nông nghiệp và Môi trường                                             | 195                                                                   |                   |                  |            | 195        |                                                                   |
| -  | Chi cục Kiểm lâm (biên chế sự nghiệp)                                    | 57                                                                    |                   |                  |            | 57         |                                                                   |
| -  | Trạm Kiểm dịch động vật Đức Phổ thuộc Chi cục Chăn nuôi và Thú y         | 6                                                                     |                   |                  |            | 6          |                                                                   |
| -  | Trung tâm Khuyến nông                                                    | 31                                                                    |                   |                  |            | 31         |                                                                   |
| -  | Trung tâm phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai                              | 6                                                                     |                   |                  |            | 6          |                                                                   |
| -  | Văn phòng điều phối Chương trình MTQG xây dựng Nông thôn mới             | 9                                                                     |                   |                  |            | 9          |                                                                   |
| -  | Ban quản lý rừng phòng hộ tỉnh Quảng Ngãi                                | 86                                                                    |                   |                  |            | 86         |                                                                   |
| 4  | Sở Xây dựng                                                              | 5                                                                     |                   |                  |            | 5          |                                                                   |
| -  | Trạm Kiểm tra tải trọng xe lưu động                                      | 5                                                                     |                   |                  |            | 5          |                                                                   |
| 5  | Sở Khoa học và Công nghệ                                                 | 14                                                                    |                   |                  |            | 14         |                                                                   |

|          |                                              |              |            |           |              |           |                                                                      |
|----------|----------------------------------------------|--------------|------------|-----------|--------------|-----------|----------------------------------------------------------------------|
| -        | Trung tâm Ứng dụng và dịch vụ KHCN           | 14           |            |           |              | 14        |                                                                      |
| <b>6</b> | <b>Sở Y tế</b>                               | <b>2.222</b> | <b>0</b>   | <b>0</b>  | <b>2.173</b> | <b>49</b> |                                                                      |
| -        | Tuyển tỉnh và tuyển huyện                    | 1.013        |            |           | 1.013        |           |                                                                      |
| -        | Các Trạm y tế xã                             | 1.160        |            |           | 1.160        |           |                                                                      |
| -        | Trung tâm công tác xã hội tỉnh Quảng Ngãi    | 42           |            |           |              | 42        |                                                                      |
| -        | Quỹ bảo trợ trẻ em                           | 7            |            |           |              | 7         |                                                                      |
| <b>7</b> | <b>Sở Công Thương</b>                        | <b>11</b>    |            |           |              | <b>11</b> |                                                                      |
| -        | Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại | 11           |            |           |              | 11        | Chuyển sang Văn phòng UBND tỉnh 03 biên chế                          |
| <b>8</b> | <b>UBND huyện Lý Sơn</b>                     | <b>353</b>   | <b>314</b> | <b>20</b> | <b>0</b>     | <b>19</b> |                                                                      |
| -        | Biên chế đã được giao năm 2025.              | 343          | 314        | 20        | 0            | 9         | Bao gồm biên chế bổ sung cho giáo dục năm học 2022-2023 và 2023-2024 |
| -        | Ban Quản lý Khu bảo tồn biển Lý Sơn          | 10           |            |           |              | 10        | Tiếp nhận từ Sở NN&PTNT                                              |